

BẢNG GIÁ

Thiết Bị Điều Khiển

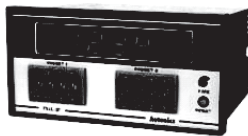


AUTONICS

04/2016

BỘ ĐẾM (COUNTER)

Serier	Serier LA8N (Loại LCD)	
Chữ số hiển thị	8 Chữ số	
Model	LA8N-BN	LA8N-BF
Hình dáng và kích thước	 W48xH24xL54mm	

Serier			Serier FX								
Chữ số hiển thị		4 chữ số	6 chữ số	4 chữ số	5 chữ số	4 chữ số	6 chữ số	4 chữ số	6 chữ số	4 chữ số	6 chữ số
Model	Một giá trị cài đặt			FX4S		FX4	FX6	FX4H			
	Hai giá trị cài đặt					FX4-2P	FX6-2P	FX4H-2P		FX4L-2P	FX6L-2P
	Loại hiển thị	FX4Y-I	FX6Y-I		FX5S-I	FX4-I	FX6-I	FX4H-I		FX4L-I	FX6L-I
Hình dáng và kích thước											
		W72xH36xL93mm		W48xH48xL91mm		W72xH72xL112mm		W48xH96xL100mm		W144xH72xL112mm	
Cách thức hoạt động		Đếm lên, đếm xuống, Đếm lên/xuống									

Serier		Serier FS		Serier F	Serier L	Serier FM		Serier LM	
Chữ số hiển thị		4 chữ số	5 chữ số	8 chữ số	8 chữ số	4 chữ số	6 chữ số	4 chữ số	6 chữ số
Model	Một giá trị cài đặt	FS4A		F8A	L8A	F4AM	F6AM		
	Hai giá trị cài đặt					F4AM-2P	F6AM-2P	L4AM-2P	L6AM-2P
	Loại hiển thị		FS5B	F8B	L8B	F4BM	F6BM	L4BM	L6BM
Hình dáng và kích thước		 W48xH48xL85mm		 W72xH72xL113mm		 W144xH72xL112mm		 W72xH72xLL112mm	
Cách thức hoạt động		Đếm lên, đếm xuống				Đếm lên, đếm xuống, Đếm lên/xuống			

Serier		Serier CT			
Chữ số hiển thị		6 chữ số	4 chữ số	6 chữ số	6 chữ số
Model	Một giá trị cài đặt	CT6Y-1P4	CT4S-1P4	CT6S-1P4	CT6M-1P4
	Hai giá trị cài đặt	CT6Y-2P4	CT4S-2P4	CT6S-2P4	CT6M-2P4
	Loại hiển thị	CT6Y-I4		CT6S-I4	CT6M-I4
Hình dáng và kích thước		 W72xH36xL77mm	 W48xH48xL90mm	 W48xH48xL90mm	 W72xH72xL85mm
Cách thức hoạt động		Đếm lên, đếm xuống, Đếm lên/xuống			

Autonics

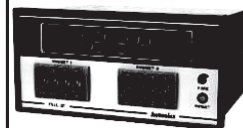
STT	MÃ SỐ	GIÁ + VAT (VND)	KÍCH THƯỚC	DIỄN GIẢI
BỘ ĐẾM - COUNTER				
1	FS4A	1,705,000	48 x 48	Đồng hồ phím cơ 4 số, Input: NPN, Output: Relay
2	FS5B	1,166,000		Hiển thị 5 số, Input: NPN
3	FX4S	1,727,000		Đồng hồ phím cơ 4 số, 2 Input: NPN/PNP, Output: Relay
4	FX4	2,145,000	72 x 72	
5	FX4H-2P	2,838,000	48 x 96	Đồng hồ phím cơ 4 số, 2 Input: NPN/PNP, 2 Output: Relay
6	FX6	2,420,000	72 x 72	Đồng hồ phím cơ 6 số, 2 Input: NPN/PNP, Output: Relay
7	FX6-2P	3,168,000		Đồng hồ phím cơ 6 số, 2 Input: NPN/PNP, 2 Output: Relay
8	FX4YI	1,463,000	72 x 36	Hiển thị 4 số, Input: NPN
9	FX6YI	1,562,000		Hiển thị 6 số, Input: NPN
10	F4AM	2,772,000	72 x 72	Bộ đếm chuyên dùng đo chiều dài
11	F6AM	3,003,000		
12	CT4S-1P4	1,463,000	48 x 48	4 số, 2 In:NPN/PNP, Out: Relay hoặc Transistor
13	CT4S-2P4	1,771,000		4 số, 2 In: NPN/PNP, 2 Out: Relay/ Transistor
14	CT6S-1P4	1,562,000		6 số, 2 In:NPN/PNP, Out: Relay hoặc Transistor
15	CT6S-2P4	1,892,000		6 số, 2 In: NPN/PNP, 2 Out: Relay/ Transistor
16	CT6S-I4	1,353,000		100-240VAC. NPN/PNP
17	CT6M-1P4	1,936,000	72 x 72	6 số, 2 In: NPN/PNP, Out: Relay/ Transistor
18	CT6M-2P4	2,255,000		6 số, 2 In: NPN/PNP, 2 Out: Relay/ Transistor
19	CT6M-I4	1,628,000		Hiển thị 6 số, Input: NPN/PNP
20	CT6M-1P4T	2,519,000		Hiển thị 6 số, 2 Input NPN/PNP, RS485
21	CT6M-2P4T	2,816,000		
22	CT6Y-1P4	1,562,000	72 x 36	Hiển thị 6 số, 2 In: NPN/PNP, Out: Relay/ Transistor
23	CT6Y-2P4	1,892,000		Hiển thị 6 số, 2 In: NPN/PNP, 2 Out: Relay/ Transistor
24	CT6Y-I4	1,353,000		Chỉ hiển thị, 100-240VAC, 2 input NPN/PNP
25	LA8N-BN	671,000	48 x 24	LCD, 8 số, ngõ vào không điện áp, có pin 3V
26	LA8N-BF	726,000		LCD, 8 số, ngõ vào 24-240VAC/6-24VDC, có pin 3V
27	PGB48-W	22,000	48 x 48	Chụp nhựa cho đồng hồ kích thước 48x48
28	PG08	44,000	8 chân	Chân đế gắn mặt tử 8 chân tròn
29	PS08	66,000		Chân đế gắn thanh ray 8 chân tròn
30	PG11	66,000	11 chân	Chân đế gắn mặt tử 11 chân tròn
31	PS11	88,000		Chân đế gắn thanh ray 11 chân tròn
32	L6AM-2P	4,334,000	144 x 72	6 số, 2 Input NPN/PNP, 2 output relay

BỘ ĐỊNH THÌ (TIMER)

Serier	Hour Meter (LCD)	
Chữ số hiển thị	8 Chữ số	
Model	LE8N-BN	LE8N-BF
Hình dáng và kích thước	 W48xH24xL54mm	

Serier	Serier LCD						
Model	LE3S	LE3SA	LE3SB	LE4S	LE4SA	LE7M-2	LE365S-41
Hình dáng và kích thước							
	W48xH48xL67mm			W48xH48xL86mm		W72xH72xL60mm	W48xH48xL60mm
	Multi Timer					Digital Weekly / Yearly Timer	

Serier								
Model	AT8N	AT11DN	AT11EN	AT8SDN	AT8PSN	AT8PMN	ATE	
Hình dáng và kích thước	 W48xH48xL65mm						 W48xH48xL79mm	
Cách thức hoạt động	Multi timer			* - Δ	Power OFF Delay timer		Power ON Delay timer	

Serier		Serier FX									
Chữ số hiển thị		4 chữ số	6 chữ số	4 chữ số	5 chữ số	4 chữ số	6 chữ số	4 chữ số	6 chữ số	4 chữ số	6 chữ số
Model	Một giá trị cài đặt			FX4S		FX4	FX6	FX4H			
	Hai giá trị cài đặt					FX4-2P	FX6-2P	FX4H-2P		FX4L-2P	FX6L-2P
	Loại hiển thị	FX4Y-I	FX6Y-I		FX5S-I	FX4-I	FX6-I	FX4H-I		FX4L-I	FX6L-I
Hình dáng và kích thước		 W72xH36xL93mm		 W48xH48xL91mm		 W72xH72xL112mm		 W48xH96xL100mm		 W144xH72xL112mm	
Cách thức hoạt động		Đếm lên, đếm xuống, Đếm lên/xuống									

Serier	Serier CT			
Chữ số hiển thị	6 chữ số		4 chữ số	6 chữ số
Model	Một giá trị cài đặt	CT6Y	CT4S	CT6S
	Hai giá trị cài đặt	CT6Y-2P	CT4S-2P	CT6S-2P
	Loại hiển thị	CT6Y-I		CT6S-I
Hình dáng và kích thước	 W72xH36xL77mm		 W48xH48xL90mm	 W48xH48xL90mm
	 W72xH72xL85mm			
Cách thức hoạt động	Đếm lên, đếm xuống, Đếm lên/xuống			

STT	MÃ SỐ	GIÁ + VAT (VND)	KÍCH THƯỚC	DIỄN GIẢI
BỘ ĐỊNH THÌ - TIMER (Digital)				
33	FS4E	1,749,000	48 x 48	Đồng hồ phím cơ, 4 số, Output: Relay
34	LE3S	1,276,000		Đồng hồ phím cơ, LCD, Out: Relay
35	LE3SA	1,276,000		Đồng hồ phím cơ, LCD, Out: 2 Relay
36	LE3SB	1,276,000		Màn hình LCD, Out: 2 Relay
37	LE4S	1,375,000		Màn hình LCD, 10 chế độ h.động, Out: Relay
38	LE4SA	1,375,000		Màn hình LCD, 13 chế độ h.động, Out: Relay
39	LE7M-2	2,024,000	72 x 72	LCD, Ch.năng: Thời gian thực cho 7 ngày/ tuần
BỘ ĐỊNH THÌ - TIMER (Analog)				
40	AT8N	506,000	48 x 48	8 chân, chỉnh ngưỡng thời gian: giờ, phút, giây
41	AT8PMN	671,000		Loại Off Delay, ngưỡng thời gian: 10 phút
42	AT8PSN	671,000		Loại Off Delay, ngưỡng thời gian: 10 giây
43	AT8SDN	627,000		Loại Timer chuyển đổi Sao Tam giác
44	AT11DN	506,000		11chân, chỉnh ngưỡng thời gian: giờ, phút, giây
45	ATE-	297,000		chọn 6S, 10S, 30S, 1M, 10M, 30M, 1H, 24H
46	LE8N-BN	726,000	48 x 24	LCD, 8 số ,ngỏ vào không điện áp, có pin 3V
47	LE8N-BF	858,000		LCD, 8 số,ngỏ vào 24-240VAC/6-24VDC, có pin 3V

BỘ HIỂN THỊ NHIỆT ĐỘ

Model	T3NI	T4YI	T4WI	T3SI	T4MI	T3HI	T4LI
Hình dáng và kích thước	 W48xH24xL52mm	 W72xH36xL100mm	 W96xH48xL112mm	 W48xH48xL100mm	 W72xH72xL125mm	 W48xH96xL146mm	 W96xH96xL118mm

BỘ ĐIỀU KHIỂN NHIỆT ĐỘ, LOẠI CÀI ĐẶT BẰNG CÔNG TẮC SỐ

Model	T3S	T3H	T4M	T4L
Hình dáng và kích thước	 W48xH48xL88mm	 W48xH96xL134mm	 W72xH72xL112mm	 W96xH96xL100mm
Loại điều khiển	ON/OFF - P			

BỘ ĐIỀU KHIỂN NHIỆT ĐỘ, LOẠI CÀI ĐẶT BẰNG CÔNG TẮC SỐ (CÓ ALARM)

Model	T3HS	T3HA	T4MA	T4LA	T4LP
Hình dáng và kích thước	 W48xH96xL146mm	 W72xH72xL125mm	 W96xH96xL118mm	 W96xH96xL118mm	
Loại điều khiển	ON/OFF - P				

Model	TD4LP	TD4L	TD4H	TD4M	TD4SP
Hình dáng và kích thước					
Loại điều khiển	ON/OFF - PID				

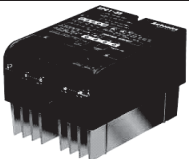
BỘ ĐIỀU KHIỂN NHIỆT ĐỘ LOẠI ANALOG

Model	TOS	TOM	TOL
Hình dáng và kích thước	 W48xH48xL92mm	 W72xH72xL132mm	 W96xH96xL121mm
Loại điều khiển	ON/OFF - P		

ĐO NHIỆT ĐỘ / ĐỘ ẨM - out Analog

RS232C↔RS485

POWER CONTROLL

Model	THD	SCM-38I	SPC1
Hình dáng và kích thước	 	 	

STT	MÃ SỐ	GIÁ + VAT (VND)	KÍCH THƯỚC	DIỄN GIẢI
ĐIỀU KHIỂN NHIỆT ĐỘ - TEMPERATURE CONTROLLER (Digital)				
48	TC3YF-14R-NTC	671,000	72 x 36	Điều khiển lạnh, 1 out relay, đầu dò NTC
49	TC3YF-14R-RTD	671,000		Điều khiển lạnh, 1 out relay, đầu dò RTD (PT100)
50	TC3YF-34R-NTC	880,000		Điều khiển lạnh, 3 out relay, đầu dò NTC
51	TC3YF-34R-RTD	880,000		Điều khiển lạnh, 1 out relay, đầu dò RTD (PT100)
52	T3NI-	858,000	48 x 24	Màn hình LCD, hiển thị nhiệt
53	TD4SP-N4R	1,441,000	48 x 48	Phím bấm, loại 8 chân tròn, ngõ ra relay/ssr/4-20mA
54	TD4M-14R/S/C	1,628,000	72 x 72	Phím bấm, ngõ ra relay/ssr/4-20mA + 1 cảnh báo
55	TD4M-N4R/S/C	1,562,000		Phím bấm, ngõ ra relay/ssr/4-20mA
56	TD4L-14R/C	1,749,000	96 x 96	Phím bấm, ngõ ra relay+ssr/4-20mA + 1 cảnh báo
57	TD4L-24R/C	1,793,000		Phím bấm, ngõ ra relay+ssr/4-20mA + 2 cảnh báo
58	TD4H-14R	1,672,000	48 x 96	Phím bấm, ngõ ra relay+ssr/4-20mA + 1 cảnh báo
59	TD4H-24R	1,749,000	49 x 96	Phím bấm, ngõ ra relay+ssr/4-20mA + 2 cảnh báo
60	T3S-	1,584,000	48 x 48	Phím bấm, ngõ ra relay/ssr/4-20mA
61	T3H-	1,815,000	48 x 96	
62	T3HA-	2,024,000		Phím bấm, ngõ ra relay/ssr/4-20mA + 1 cảnh báo
63	T4YI-	1,188,000	72 x 36	Đồng hồ hiển thị nhiệt
64	T4WI-	1,188,000	96 x 48	
65	T4WM-	2,189,000		Hiển thị 5 kênh đầu dò, K(CA)hoặc Pt100
66	T4M-	1,705,000	72 x 72	Phím bấm, ngõ ra relay/ssr/4-20mA
67	T4MA-	2,024,000		Phím bấm, ngõ ra relay/ssr/4-20mA + 1 cảnh báo
68	T4L-	2,024,000	96 x 96	Phím bấm, ngõ ra relay/ssr/4-20mA
69	T4LA-	2,376,000		Phím bấm, ngõ ra relay/ssr/4-20mA + 1 cảnh báo
70	T4LP-	2,442,000		Phím bấm, 2 Out: R/SSR, 2 cài đặt
ĐIỀU KHIỂN NHIỆT ĐỘ - TEMPERATURE CONTROLLER (Analog)				
71	TOS-	583,000	48 x 48	Nút vặn, 0~100, 200, 400, đầu dò:K(CA)/RTD
72	TOM-	770,000	72 x 72	
73	TOL-	770,000	96 x 96	
ĐIỀU KHIỂN NHIỆT ĐỘ - ĐỘ ẨM- TEMPERATURE/HUMIDITY CONTROLLER				
74	THD-R-C,V	2,651,000	W60XH80X33.5mm	Đề trong phòng. C out 4-20mA, V out 1-5VDC
75	THD-R-T	3,025,000		Đề trong phòng. Truyền thông RS 485
76	THD-D1-C,V	3,586,000	W72XH85X34mm	Gắn đường ống, dài 100mm. C out 4-20mA, V out 1-5VDC
77	THD-D1-T	3,773,000		Gắn đường ống, dài 100mm. Truyền thông RS485
78	THD-D2-C,V	3,586,000		Gắn đường ống, dài 200mm. C out 4-20mA, V out 1-5VDC
79	THD-D2-T	3,773,000		Gắn đường ống, dài 200mm. Truyền thông RS485
BỘ ĐIỀU KHIỂN NGUỒN				
80	SPC1-35	1,419,000	100-240VAC	In: 1-5VDC, 4-20A, VR; 1kΩ, tải 35A
81	SPC1-50	1,793,000		In: 1-5VDC, 4-20A, VR; 1kΩ, tải 50A
BỘ CHUYỂN TÍN HIỆU TỪ RS 232 SANG RS 485				
82	SCM-38I	1,628,000	12-24VDC	Chuyển từ RS 232 sang RS 485

ĐO ĐIỀU KHIỂN NHIỆT ĐỘ

Model	TZ4ST	TZ4M	TZ4H	TZ4W	TZ4L
Hình dáng và kích thước	 W48xH48xL95mm	 W72xH72xL100mm	 W48xH72xLL100mm	 W96xH48xL100mm	 W96xH96xL100mm
Loại điều khiển	ON/OFF - PID				

Model	TZN4S	TZN4M	TZN4H	TZN4W	TZN4L
Hình dáng và kích thước	 W48xH48xL95mm	 W72xH72xL100mm	 W48xH72xLL100mm	 W96xH48xL100mm	 W96xH96xL100mm
Loại điều khiển	ON/OFF - PID				

Model	TC4L	TC4W	TC4H	TC4M	TC4S
Hình dáng và kích thước	 W96xH96xL64.5mm	 W96xH48xL64.5mm	 W48xH96xL64.5mm	 W72xH72xL64.5mm	 W48xH48xL64.5mm
Loại điều khiển	ON/OFF - PID				

Model	TK4L	TK4W	TK4H	TK4M	TK4S
Hình dáng và kích thước	 W96xH96xL64.5mm	 W96xH48xL64.5mm	 W48xH96xL64.5mm	 W72xH72xL64.5mm	 W48xH48xL64.5mm
Loại điều khiển	ON/OFF - PID				

STT	MÃ SỐ	GIÁ + VAT (VND)	KÍCH THƯỚC	DIỄN GIẢI
ĐIỀU KHIỂN NHIỆT ĐỘ - TEMPERATURE CONTROLLER (PID)				
83	TZN4S-14R,C,S	1,815,000	48 x 48	On/Off-PID, Multi input, Out: R/SSR/C, 1 cảnh báo
84	TZ4ST-14R,C,S	1,815,000		
85	TZ4ST-24R,C,S	1,980,000		On/Off-PID, Multi input, Out: R/SSR/C, 2 cảnh báo
86	TZN4M-14R,C,S	2,145,000	72 x 72	On/Off-PID, Multi input, Out: R/SSR/C, 1 cảnh báo
87	TZN4M-24R,C,S	2,255,000		On/Off-PID, Multi input, Out: R/SSR/C, 2 cảnh báo
88	TZN4M-A4R,C,S	2,376,000		On/Off-PID, Multi input, Out:R/SSR/C, Trans 4-20mA
89	TZN4M-B4R,C,S	2,497,000		On/Off-PID, Multi input, Out: R/SSR/Current, RS485, 2 cảnh báo
90	TZN4H-14R,C,S	2,211,000	48 x 96	On/Off-PID, Multi input, Out: R/SSR/C, 1 cảnh báo
91	TZN4H-24R,C,S	2,288,000	48 x 96	On/Off-PID, Multi input, Out: R/SSR/C, 2 cảnh báo
92	TZN4W-14R,C,S	2,211,000	96 x 48	On/Off-PID, Multi input, Out: R/SSR/C, 1 cảnh báo
93	TZN4W-24R,C,S	2,288,000		On/Off-PID, Multi input, Out: R/SSR/C, 2 cảnh báo
94	TZN4W-A4R,C,S	2,376,000		On/Off-PID, Multi input, Out:R/SSR/C,Trans 4-20mA, 2 cảnh báo
95	TZN4L-14R,C,S	2,288,000	96 x 96	On/Off-PID, Multi input, Out: R/SSR/C, 1 cảnh báo
96	TZN4L-24R,C,S	2,398,000		On/Off-PID, Multi input, Out: R/SSR/C, 2 cảnh báo
97	TZN4L-A4R,C,S	2,497,000		On/Off-PID,Multi input, Ou: R/SSR/C, Trans 4-20mA, 2 cảnh báo
98	TZ4H-14R,C,S	2,211,000	48 x 96	On/Off-PID, Multi input, Out: R/SSR/C, 1 cảnh báo
99	TZ4H-24R,C,S	2,288,000		On/Off-PID, Multi input, Out: R/SSR/C, 2 cảnh báo
100	TZ4L-14R,C,S	2,288,000	96 x 96	On/Off-PID, Multi input, Out: R/SSR/C, 1 cảnh báo
101	TZ4L-24R,C,S	2,398,000		On/Off-PID, Multi input, Out: R/SSR/C, 2 cảnh báo
102	TZ4L-A4R,C,S	2,497,000		On/Off-PID,Multi input, Out: R/SSR/C, Trans 4-20mA
103	TZ4M-14R,C,S	2,211,000	72 x 72	On/Off-PID, Multi input, Out: R/SSR/C, 1 cảnh báo
104	TZ4M-24R,C,S	2,255,000		On/Off-PID, Multi input, Out: R/SSR/C, 2 cảnh báo
105	TZ4M-A4R,C,S	2,376,000		On/Off-PID, Multi input, Out:R/SSR/C, Trans 4-20mA
106	TZ4M-B4R,C,S	2,497,000		On/Off-PID, Multi input, Out: R/SSR/Current, RS485
107	TZ4W-14R,C,S	2,211,000	96 x 48	On/Off-PID, Multi input, Out: R/SSR/C, 1 cảnh báo
108	TZ4W-24R,C,S	2,288,000		On/Off-PID, Multi input, Out: R/SSR/C, 2 cảnh báo
109	TZ4W-A4R,C,S	2,376,000		On/Off-PID, Multi input, Out:R/SSR/C,Trans. 4-20mA
110	TB42-14R,C,S	2,024,000		Board rời, đkhiển On/Off - PID, Multi input, Out: R/ SSR/ Current
111	TC4S-14R	935,000	48 X 48	Input K+PT100+J Out:Relay + SSR, 1 alarm, 1 dòng LED
112	TC4S-24R	957,000		Input K+PT100+J, Out:Relay + SSR, 2 alarm, 1 dòng LED
113	TC4M-14R	1,023,000	72 X 72	Input K+PT100+J, Out:Relay + SSR, 1 alarm, 1 dòng LED
114	TC4M-24R	1,067,000	73 X 72	
115	TC4H-14R	1,023,000	48 X 96	Input K+PT100+J, Out:Relay + SSR, 2 alarm, 1 dòng LED
116	TC4H-24R	1,067,000		Input K+PT100+J, Out:Relay + SSR, 1 alarm, 1 dòng LED
117	TC4W-14R	1,023,000	96 X 48	Input K+PT100+J, Out:Relay + SSR, 2 alarm, 1 dòng LED
118	TC4W-24R	1,067,000	96 X 96	Input K+PT100+J, Out:Relay + SSR, 1 alarm, 1 dòng LED
119	TC4L-14R	1,023,000		Input K+PT100+J, Out:Relay + SSR, 2 alarm, 1 dòng LED

ĐO ĐIỀU KHIỂN NHIỆT ĐỘ

Model	TZ4ST	TZ4M	TZ4H	TZ4W	TZ4L
Hình dáng và kích thước	 W48xH48xL95mm	 W72xH72xL100mm	 W48xH72xLL100mm	 W96xH48xL100mm	 W96xH96xL100mm
Loại điều khiển	ON/OFF - PID				

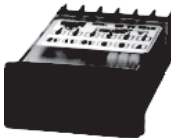
Model	TZN4S	TZN4M	TZN4H	TZN4W	TZN4L
Hình dáng và kích thước	 W48xH48xL95mm	 W72xH72xL100mm	 W48xH72xLL100mm	 W96xH48xL100mm	 W96xH96xL100mm
Loại điều khiển	ON/OFF - PID				

Model	TC4L	TC4W	TC4H	TC4M	TC4S
Hình dáng và kích thước	 W96xH96xL64.5mm	 W96xH48xL64.5mm	 W48xH96xL64.5mm	 W72xH72xL64.5mm	 W48xH48xL64.5mm
Loại điều khiển	ON/OFF - PID				

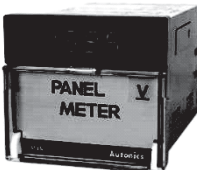
Model	TK4L	TK4W	TK4H	TK4M	TK4S
Hình dáng và kích thước	 W96xH96xL64.5mm	 W96xH48xL64.5mm	 W48xH96xL64.5mm	 W72xH72xL64.5mm	 W48xH48xL64.5mm
Loại điều khiển	ON/OFF - PID				

STT	MÃ SỐ	GIÁ + VAT (VND)	KÍCH THƯỚC	DIỄN GIẢI
ĐIỀU KHIỂN NHIỆT ĐỘ - TEMPERATURE CONTROLLER (PID)				
120	TCN4S-24R	1,144,000	48 X 48	Input K+PT100+J Out:Relay + SSR, 2 alarm, 2 dòng LED
121	TCN4M-24R	1,276,000	72 X 72	
122	TCN4H-24R	1,276,000	48 X 96	
123	TCN4L-24R	1,276,000	96 X 96	
124	TK4S-14RR	1,727,000	48 X 48	Multi input, 2 Out: Relay, 1 alarm
125	TK4S-B4RR	2,288,000		Multi input, 2 Out: Relay, 2 alarm, RS485
126	TK4S-14RN	1,540,000	96 X 96	Multi input, 1 Out: relay
127	TK4S-14CN	1,540,000	48 X 48	Multi input, 1 Out: 4-20mA +SSR, 1 alarm
128	TK4S-14SN	1,540,000		Multi input, 1 Out: SSR, 1 alarm
129	TK4S-14RC	1,727,000		Multi input, 2 Out: Relay, 4-20mA+SSR , 1 alarm
130	TK4S-14SR	1,727,000		Multi input, 2 Out: SSR, Relay, 1 alarm
131	TK4S-14CC	1,727,000		Multi input, 2 Out: 4-20mA +SSR , 1 alarm
132	TK4S-24SN	1,672,000		Multi input, 1 Out: SSR, 2 alarm
133	TK4S-24RN	1,672,000		Multi input, 1 Out: Relay , 2 alarm
134	TK4S-B4CC	2,288,000		Multi input, 2 Out: 4-20mA + SSR , 2 alarm, RS485
135	TK4S-B4CR	2,288,000		Multi input, 2 Out: 4-20mA + SSR, Relay, 2 alarm, RS485
136	TK4S-T4CR	2,068,000		Multi input, 2 Out: 4-20mA, Relay, 1 alarm, RS485
137	TK4S-T4SC	2,068,000		Multi input, 2 Out: SSR, 4-20mA + SSR , 1 alarm, RS485
138	TK4SP-14CC	1,628,000		Multi input, 2 Out: 4-20mA + SSR, 1 alarm, 11 chân tròn
139	TK4M-14RN	1,892,000	72 X 72	Multi input, 1 Out: Relay , 1 alarm
140	TK4M-14RR	2,167,000		Multi input, 2 Out: Relay , 1 alarm
141	TK4M-B4RN	2,442,000		Multi input, 1 Out: Relay , 2 alarm, RS485
142	TK4M-24RN	2,068,000		Multi input, 1 Out: Relay , 2 alarm
143	TK4M-24RR	2,068,000		Multi input, 2 Out: Relay , 2 alarm
144	TK4H-14RN	1,892,000	48 X 96	Multi input, 1 Out: Relay , 1 alarm
145	TK4H-24RN	2,068,000		Multi input, 1 Out: Relay , 2 alarm
146	TK4W-14CN	1,892,000	96 X 48	Multi input, 1 Out: 4-20mA +SSR , 1 alarm
147	TK4W-14RN	1,892,000		Multi input, 1 Out: Relay , 1 alarm
148	TK4W-24RR	2,332,000		Multi input, 2 Out: Relay , 2 alarm
149	TK4L-14CN	1,892,000	96 X 96	Multi input, 1 Out: 4-20mA, 1 alarm
150	TK4L-14RN	1,892,000		Multi input, 1 Out: Relay , 1 alarm
151	TK4L-14CC	2,167,000		Multi input, 2 Out: 4-20mA + SSR, 1 alarm
152	TK4L-14CR	2,167,000		Multi input, 2 Out: 4-20mA + SSR, Relay , 1 alarm
153	TK4L-A4CC	2,563,000		Multi input, 2 Out: 4-20mA+SSR, 2alarm, Trans 4-20mA
154	TK4L-24RN	2,068,000		Multi input, 1 Out: Relay , 2 alarm
155	TK4L-24RR	2,332,000		Multi input, 2 Out: Relay , 2 alarm
156	TK4L-T4CR	2,563,000		Multi input, 2 Out: 4-20mA + SSR, Relay , 1 alarm, RS485

ĐỒNG HỒ VOLT / AMPERE - LOẠI HIỆN THỊ

Model	M4NS	M4YS	M4N	M4V	MT4N
Hình dáng và kích thước	 W48xH24xL48mm	 W72xH36xL77mm	 W48xH24xL59mm	 W75xH25xL93mm	 W48xH24xL83mm
Ngõ vào INPUT	DC4-20mA		Điện áp DC, Dòng DC		Điện áp DC, Dòng DC, Điện áp AC, Dòng AC
Nguồn Cấp	có nguồn pin bên trong		12-24 VDC		12-24 VDC/AC

ĐỒNG HỒ VOLT / AMPERE - LOẠI HIỆN THỊ

Model	MT4Y	MT4W	M4Y	M4W	M5W	M4M
Hình dáng và kích thước	 W72xH36xL77mm	 W96xH48xL100mm	 W72xH36xL93mm	 W96xH48xL104mm	 W96xH48xL104mm	 W72xH72xL113mm
Ngõ vào INPUT	Điện áp DC, Dòng DC - Điện áp AC, Dòng AC					
Nguồn Cấp	100-240 VAC					

ĐỒNG HỒ VOLT / AMPERE - LOẠI CÀI ĐẶT / HIỆN THỊ

Model	MT4N	MT4Y	MT4W
Hình dáng và kích thước	 W48xH24xL83mm	 W72xH36xL77mm	 W96xH48xL100mm
Ngõ vào INPUT	Điện áp DC, Dòng DC - Điện áp AC, Dòng AC		
Nguồn Cấp	12-24 VDC/AC		

ĐỒNG HỒ ĐO VOLT / AMPERE - LOẠI CÀI ĐẶT CÔNG TÁC SỐ

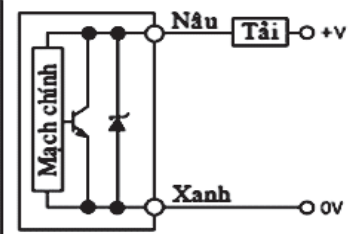
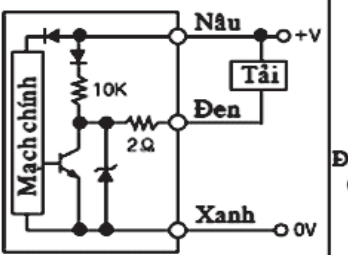
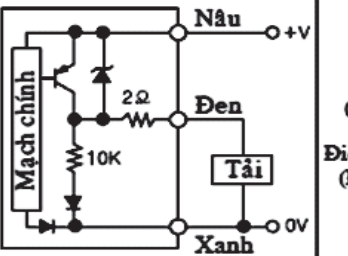
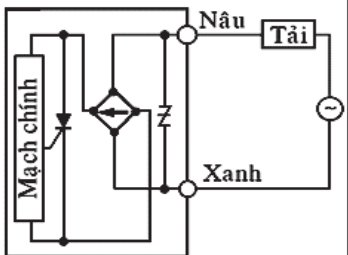
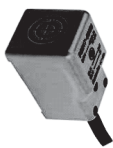
Model	M4W1P	M4W2P	M4M1P	M4M2P
Hình dáng và kích thước	 W72xH36xL102mm	 W72xH36xL102mm	 W72xH36xL102mm	 W72xH36xL102mm
Ngõ vào INPUT	Điện áp DC, Dòng DC - Điện áp AC, Dòng AC			
Nguồn Cấp	110-220 VAC			

ĐỒNG HỒ ĐO XUNG / TỐC ĐỘ - TACHOMETER / PULSE METER

Model	LR5N-B	MP5S	MP5Y	MP5W
Hình dáng và kích thước	 W48xH24xL54mm	 W48xH48xL90mm	 W72xH36xL102mm	 W96xH48xL102mm
Nguồn Cấp	có nguồn pin bên trong 100-240 VAC 50/60Hz			

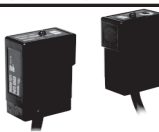
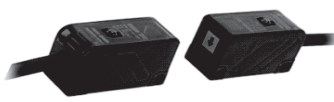
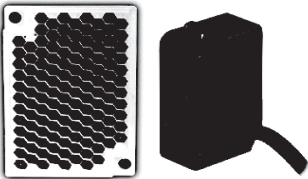
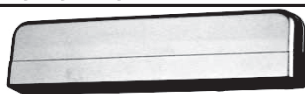
Model	MP5M-41	MP5M-42
Hình dáng và kích thước	 W72XH72xL113mm	 W72XH72xL113mm
Nguồn Cấp	100-240 VAC 50/60Hz	

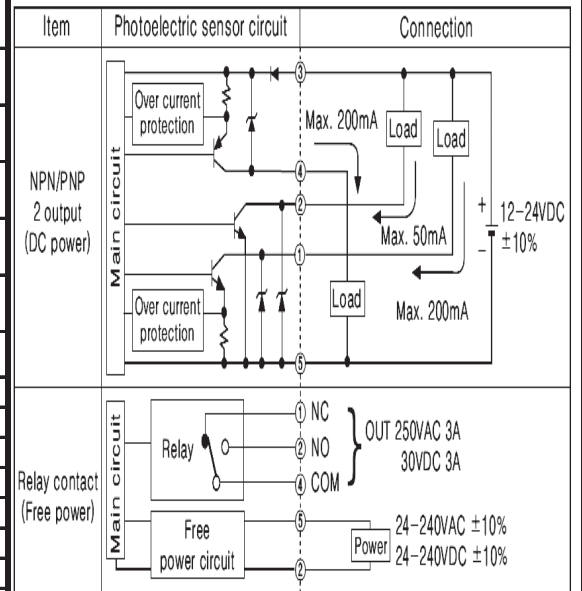
STT	MÃ SỐ	GIÁ + VAT (VND)	KÍCH THƯỚC	DIỄN GIẢI
ĐỒNG HỒ VOLT/AMPERE - DIGITAL PANEL METER				
157	M4N-DV-01	836,000	48 X 24	Hiển thị Volt DC, Ngưỡng đo: 199.9mV, 5VDC
158	M4W1P-AA/AV	3,146,000	96 X 48	Phím bấm, Đo Volt/ Ampere AC, 1 Out: Relay, 110/220 VAC
159	M4W1P-DA/DV	3,146,000		Phím bấm, Đo Volt/ Ampere DC, 1 Out: Relay, 110/220 VAC
160	M4W2P-AA/AV	4,169,000		Phím bấm, Đo Volt/ Ampere AC, 2 Out: Relay, 110/220 VAC
161	M4W2P-DA/DV	4,169,000		Phím bấm, Đo Volt/ Ampere DC, 2 Out: Relay, 110/220 VAC
162	M4W-AA/AV	1,254,000		Hiển thị Volt AC/ Ampe AC, 100-240 VAC
163	M4W-DA/DV	1,089,000		Hiển thị Volt DC/ Ampe DC, 100-240 VAC
164	M4Y-AA/AV	1,254,000	72 X 36	Hiển thị Volt AC/ Ampe AC, 100-240 VAC
165	M4Y-DA/DV	1,089,000		Hiển thị Volt DC/ Ampe DC, 100-240 VAC
ĐỒNG HỒ VOLT/ AMPERE - DIGITAL PANEL METER (Multi meter)				
166	MT4W-DA(V)-4N	1,254,000	96 X 48	Hiển thị Volt DC/Amp DC
167	MT4W-DA(V)-40	2,519,000		Cài đặt Volt/Amp DC, Out: 3 Relay + 4-20mADC
168	MT4W-DA(V)-41	2,167,000		Cài đặt Volt/Amp DC, Out: 3Relay
169	MT4W-DA(V)-42~49	2,519,000		Cài đặt Volt/Amp DC, Out: NPN/PNP,RS485, trans. DC4-20mA
170	MT4W-AA(V)-4N	1,353,000		Hiển thị Volt AC/Amp AC
171	MT4W-AA(V)-40	2,684,000		Cài đặt Volt/Amp AC, Out: 3R + 4-20mADC
172	MT4W-AA(V)-41	2,310,000		Cài đặt Volt/Amp AC, Out: 3Relay
173	MT4W-AA-42~49	2,684,000		Cài đặt Volt/Ampe DC, Out: NPN/PNP,RS485, trans. DC4-20mA
174	MT4W-AV-42~49	2,519,000	96 X 48	
175	MT4Y-AA(V)-4N	1,375,000	72 X 36	Hiển thị Volt AC/ Ampe AC
176	MT4Y-DA(V)-4N	1,309,000		Hiển thị Volt DC/ Ampe DC
177	MT4Y-AA(V)-40~46	2,684,000		Out: Relay/ NPN-PNP/ 4-20mA/ RS485
ĐỒNG HỒ ĐO TỐC ĐỘ - TACHOMETER/ PULSE METER				
178	MP5W-4N	1,936,000	96 X 48	Chỉ hiển thị: RPM, m/min, Cycle, Passing time..
179	MP5W-41	2,871,000		Hiển thị 13 Chức năng, Out: Relay (H, Go, L)
180	MP5W-44~49	3,377,000		Hiển thị 13 Chức năng, Out: NPN, 4-20mA, RS485...
181	MP5M-42	4,125,000	72 x 72	Phím bấm, hiển thị RPM, Out: Relay, NPN
182	MP5Y-4N	2,145,000	72 X 36	Chỉ hiển thị: RPM, m/min, Cycle, Passing time..
183	M4Y-S1	1,089,000		Hiển thị m/min, Input: DC0-10V (0 ~ 1999), 100-240 VAC
184	M4W-S1	1,089,000	96 X 48	Hiển thị m/min, Input: DC0-10V (0 ~ 1999), 110/220 VAC
185	M4Y-T1	1,089,000	72 X 36	Hiển thị RPM, Input: DC0-10V (0 ~ 1999), 100-240 VAC
186	M4W-T1	1,089,000	96 X 48	Hiển thị RPM, Input: DC0-10V (0 ~ 1999), 110/220 VAC
187	MP5S-4N	2,145,000	48 X 48	Hiển thị: RPM, m/mm, Cycle, Passing time..
188	MP5W-4A	3,377,000	96 X 48	Hiển thị 13 Chức năng, Out: 5 Relay (HH, H, Go, L, LL)

Model		Ø 08		○Loại DC-2 dây			
Khoảng cách phát hiện		1.5 - 2mm					
Hình dáng và kích thước				Phát hiện ☐ Có vật ☐ Không NO NC Tải ☐ Hoạt động ☐ Trả lại Chỉ thị (LED) ☐ ON ☐ OFF			
Model		Ø 12		○Loại DC-3 dây			
Khoảng cách phát hiện		2 - 4mm		Loại ngõ ra NPN chung 			
Hình dáng và kích thước				Phát hiện ☐ Có vật ☐ Không NO NC Tải (Nâu-Đen) ☐ Hoạt động ☐ Trả lại Điện áp ngõ ra (Đen-Xanh) ☐ H ☐ L Chỉ thị (LED) ☐ ON ☐ OFF			
Model		Ø 18		○Loại DC-3 dây			
Khoảng cách phát hiện		5 - 8mm		Loại ngõ ra PNP chung 			
Hình dáng và kích thước				Phát hiện ☐ Có vật ☐ Không NO NC Tải (Đen-Xanh) ☐ Hoạt động ☐ Trả lại Điện áp ngõ ra (Đen-Xanh) ☐ H ☐ L Chỉ thị (LED) ☐ ON ☐ OFF			
Model		Ø 30		○Loại AC-2 dây			
Khoảng cách phát hiện		10 - 15mm					
Hình dáng và kích thước				Phát hiện ☐ Có vật ☐ Không NO NC Tải ☐ Hoạt động ☐ Trả lại Chỉ thị (LED) ☐ ON ☐ OFF			
Model	PS12	PSN17	PSN25	PSN30	PSN40	PS50	AS80
Khoảng cách phát hiện	4mm	5 - 8mm		10-15mm	20m	30mm	50mm
Hình dáng và kích thước							
Model	CR (Cảm biến điện dung) Ø18 / Ø30						
Khoảng cách phát hiện	8mm					15mm	
Hình dáng và kích thước							

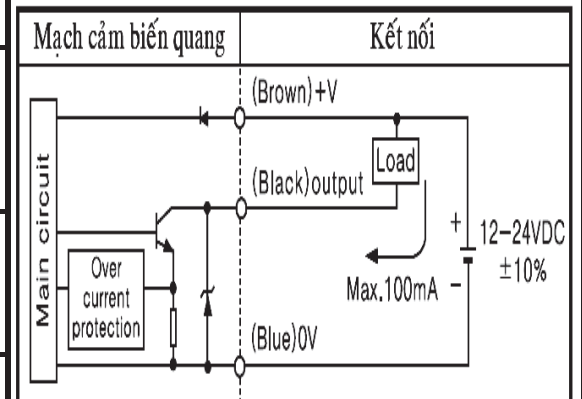
STT	MÃ SỐ	GIÁ + VAT (VND)	KÍCH THƯỚC	DIỄN GIẢI
CẢM BIẾN TỪ - PROXIMITY SENSOR				
189	PRT08-__DO/DC	440,000	Tròn, Ø8mm	Khoảng cách phát hiện 1.5mm / 2mm, 12-24VDC, 2 dây
190	PRT12-__DO/DC	396,000	Tròn, Ø12mm	Khoảng cách phát hiện 2mm / 4mm, 12-24VDC, 2 dây
191	PRT18-__DO/DC	396,000	Tròn, Ø18mm	Khoảng cách phát hiện 5mm / 8mm, 12-24VDC, 2 dây
192	PRT30-__DO/DC	418,000	Tròn, F30mm	Khoảng cách phát hiện 10mm/15 mm, 12-24VDC, 2 dây
193	PSNT17-5DO/DC	297,000	Vuông 17mm	Khoảng cách phát hiện 5 mm, 12-24VDC, 2 dây
194	PR08-__DN/DP	440,000	Tròn, Ø8mm	Khoảng cách 1.5mm / 2mm, 12-24VDC, 3 dây
195	PR12-__DN/DP	396,000	Tròn, Ø12mm	Khoảng cách 2mm / 4mm, 12-24VDC, 3 dây
196	PR18-__DN/DP	396,000	Tròn, Ø18mm	Khoảng cách 5mm / 8mm, 12-24VDC, 3 dây
197	PR30-__DN/DP	440,000	Tròn, Ø30mm	Khoảng cách 10mm / 15mm, 12-24VDC, 3 dây
198	PRL12-__DN/DP	418,000	Tròn, Ø12mm	Loại dài, khoảng cách 2mm / 4mm, 12-24VDC, 3 dây
199	PRL18-__DN/DP	418,000	Tròn, Ø18mm	Loại dài, khoảng cách 5mm / 8mm, 12-24VDC, 3 dây
200	PRL30-__DN/DP	484,000	Tròn, Ø30mm	Loại dài, khoảng cách 10mm / 15mm, 12-24VDC, 3 dây
201	PRCM12-__DN/DP	418,000	Tròn, Ø12mm	Sử dụng cáp nối, khoảng cách 2mm / 4mm, 3 dây
202	PRCM18-__DN/DP	418,000	Tròn, Ø18mm	Sử dụng cáp nối, khoảng cách 5mm / 8mm, 3 dây
203	PRCM30-__DN/DP	484,000	Tròn, Ø30mm	Sử dụng cáp nối, khoảng cách 10mm / 15mm, 3 dây
204	PRCMT12-__DO/DC	418,000	Tròn, Ø12mm	Sử dụng cáp nối, khoảng cách 2mm / 4mm, 2 dây
205	PRCML18-__DN/DP	462,000	Tròn, Ø18mm	Sử dụng cáp nối, khoảng cách 5mm / 8mm, 3 dây
206	PS12-__DN/DP	396,000	Vuông 12mm	Khoảng cách phát hiện 4mm, 12-24VDC, 3 dây
207	PSN17-__DN/DP	297,000	Vuông 17mm	Khoảng cách phát hiện 5mm / 8mm, 12-24VDC, 3 dây
208	PSN25-5DN/DP	319,000	Vuông 25mm	Khoảng cách phát hiện 5mm, 12-24VDC, 3 dây
209	PSN30-__DN/DP	374,000	Vuông 30mm	Khoảng cách 10mm / 15mm, 12-24VDC, 3 dây
210	PSN40-__DN/DP	484,000	Vuông 40mm	Khoảng cách phát hiện 20mm, 12-24VDC, 3 dây
211	PS50-30DP/DN	814,000	Vuông 50mm	Khoảng cách phát hiện 30 mm, 12-24VDC, 3 dây
212	AS80-50DN3/DP3	1,727,000	Vuông 80mm	Khoảng cách phát hiện 50mm, 12-24VDC, 4 dây
213	PFI25-8DN/DP	418,000	Vuông, dẹp 25mm	Khoảng cách phát hiện 8mm, 12-24VDC, 3 dây
214	PR12-__AO/AC	462,000	Tròn, Ø12mm	Khoảng cách 2mm/4mm, 100-240 VAC, 2 dây
215	PR18-__AO/AC	462,000	Tròn, Ø18mm	Khoảng cách 5mm/ 8mm, 100-240 VAC, 2 dây
216	PR30-__AO/AC	484,000	Tròn, Ø30mm	Khoảng cách 10mm/ 15mm, 100-240 VAC, 2 dây
217	PSN25-5AO	418,000	Vuông 25mm	Khoảng cách phát hiện 5mm, 100-240 VAC, 2 dây
218	PSN25-5AC	462,000		
219	PSN30-__AO/AC	462,000	Vuông 30mm	Khoảng cách phát hiện 10mm/15mm, 100-240 VAC, 2 dây
220	PSN40-20AO/AC	770,000		Khoảng cách phát hiện 20mm, 100-240 VAC, 2 dây
221	CID2-2	165,000	Cáp Ø 5mm	Cáp nối thẳng, 2 dây, dài 2m
222	CID3-2	165,000		Cáp nối thẳng, 3 dây, dài 2m
223	CLD3-2	165,000		Cáp nối hình L, 3 dây, dài 2m
224	C1D4-2	275,000		Cáp nối loại 2 đầu nối thẳng, dây dài 2m
225	C2D4-2	275,000		Cáp nối loại 2 đầu nối hình L, dài 2m
226	PRWL18-5DN/DP	440,000		Khoảng cách phát hiện 5 mm, loại nối cáp, 12-24VDC
227	PRW30-15DN/DP	484,000		Khoảng cách phát hiện 15 mm, loại nối cáp, 12-24VDC

CẢM BIẾN QUANG

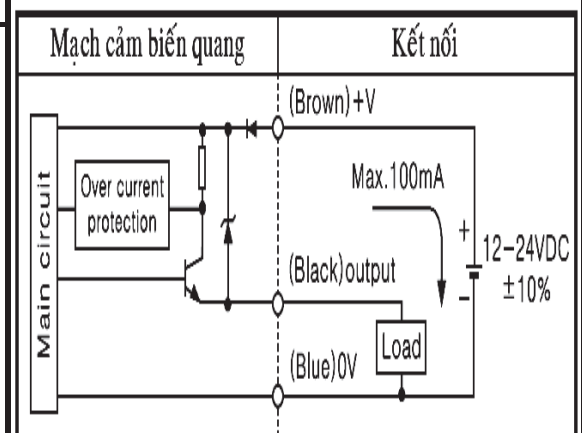
Hình dáng	Model	Ngõ ra	Nguồn cấp
BX SERIES	BX15M-TFR	RELAY	24 - 240V AC/DC
  BX700	BX15M-TFR-T		
	BX15M-TDT	NPN/PNP	12 - 24 VDC
	BX15M-TDT-T		
	BX5M-MFR	RELAY	24 - 240V AC/DC
	BX5M-MFR-T		
	BX5M-MDT	NPN/PNP	12 - 24 VDC
	BX5M-MDT-T		
	BX700-DFR	RELAY	24 - 240V AC/DC
	BX700-DFR-T		
	BX700-DDT	NPN/PNP	12 - 24 VDC
	BX700-DDT-T		
BEN SERIES	BEN10M-TFR	RELAY	24 - 240V AC/DC
	BEN10M-TDT	NPN/PNP	12 - 24 VDC
	BEN5M-MFR	RELAY	24 - 240V AC/DC
	BEN5M-MDT	NPN/PNP	12 - 24 VDC
	BEN3M-PFR	RELAY	24 - 240V AC/DC
	BEN3M-PDT	NPN/PNP	12 - 24 VDC
	BEN300-DFR	RELAY	24 - 240V AC/DC
	BEN300-DDT	NPN/PNP	12 - 24 VDC
	BM SERIES	BM3M-TDT	
	BM1M-MDT		
	BM200-DDT		
BMS SERIES	BMS5M-TDT	NPN	12 - 24 VDC
	BMS5M-TDT-P	PNP	
	BMS2M-MDT	NPN	
	BMS2M-MDT-P	PNP	
	BMS30-DDT	NPN	
	BMS30-DDT-P	PNP	
BY SERIES		NPN	12 - 24 VDC
	BY500-DDT		
	BYS500-DDT		
BYD SERIES	BYD3M-TDT	NPN	12 - 24 VDC
	BYD3M-TDT-P	PNP	
	BYD50-DDT	NPN	
	BYD50-DDT-U		
	BYD50-DDT-T		
	BYD30-DDT		
	BYD30-DDT-U		
	BYD30-DDT-T		
	BYD100-DDT		
BJ SERIES	BJ15M-TDT	NPN/PNP	12 - 24 VDC
	BJ15M-TDT-P		
	BJ10M-TDT		
	BJ10M-TDT-P		
	BJ3M-PDT		
	BJ3M-PDT-P		
	BJ1M-DDT		
	BJ1M-DDT-P		
	BJ300-DDT		
	BJ300-DDT-P		
	BJ100-DDT		
	BJ100-DDT-P		
	BJG30-DDT		
	BJN100-NDT		
	BJN100-NDT-P		
	BJN50-NDT		
	BJN50-NDT-P		
ADS-A SERIES		RELAY	
	ADS-AF		
	ADS-AE		
	ADS-SE		



● Ngõ ra NPN



● Ngõ ra PNP

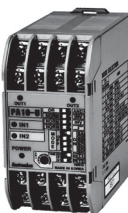
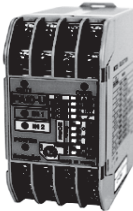


STT	MÃ SỐ	GIÁ + VAT (VND)	KÍCH THƯỚC	DIỄN GIẢI
CẢM BIẾN ĐIỆN DUNG - CAPACITY SENSOR				
228	CR18-8DN/DP	583,000	Tròn, Ø18mm	Khoảng cách phát hiện 8mm, 12-24 VDC, 3 dây
229	CR30-15DN/DP	693,000	Tròn, Ø30mm	Khoảng cách phát hiện 15mm, 12-24 VDC, 3 dây
230	CR18-8AO/AC	693,000	Tròn, Ø18mm	Khoảng cách phát hiện 8mm, 100-240 VAC, 2 dây
231	CR30-15AO/AC	814,000	Tròn, Ø30mm	Khoảng cách phát hiện 15mm, 100-240 VAC, 2 dây
CẢM BIẾN QUANG - PHOTOELECTRIC SENSOR				
232	BEN300-DFR	1,089,000	W18xH50xL50mm	Khoảng cách 300mm, Out: Relay 250VAC 3A
233	BEN300-DDT	979,000		Khoảng cách 300mm, Out: NPN open collector
234	BEN3M-PDT	1,045,000		Khoảng cách 3m, + gương, out: NPN
235	BEN3M-PFR	1,045,000		Khoảng cách 3m, + gương, out: Relay
236	BEN5M-MDT	979,000		Khoảng cách 5m, Out: NPN , + gương
237	BEN5M-MFR	1,001,000		Khoảng cách 5m, Out: Relay 3A, + gương
238	BEN10M-TDT	1,144,000		Khoảng cách 10m, Out: NPN, 1 cặp
239	BEN10M-TFR	1,276,000		Khoảng cách 10m, Out: Relay, 1 cặp
240	BX700-DDT	1,122,000	W25xH26xL80mm	Khoảng cách 700mm, Out: NPN open collector
241	BX700-DDT-T	1,353,000		Khoảng cách 700mm, Out: NPN open collector, Timer trễ
242	BX700-DFR	1,232,000		Khoảng cách 700mm, Out: Relay 250VAC 3A
243	BX700-DFR-T	1,331,000		Khoảng cách 700mm, Out: Relay, Timer trễ
244	BX5M-MFR-T	1,331,000		Khoảng cách 5m, Out: Relay, Timer trễ + gương
245	BX5M-MFR	1,232,000		Khoảng cách 5m, Out: Relay 3A, + gương
246	BX15M-TDT-T	1,441,000		Khoảng cách 15m, Output: NPN, 1 cặp, Timer trễ
247	BX15M-TFR	1,485,000		Khoảng cách 15m, Output: Relay, 1 cặp
248	BX15M-TFR-T	1,606,000		Khoảng cách 15m, Output: Relay, 1 cặp, Timer trễ
249	BF3RX	902,000	W15xH39xL70mm	Sử dụng cáp quang, Out: NPN, chỉnh tay
250	BF4R	1,276,000	W12xH33xL62mm	Sử dụng cáp quang, Out: NPN, chỉnh tự động
251	BF4RP	1,276,000		
252	BM200-DDT	902,000	W16xH28xL52	Khoảng cách 200mm, NPN, thu phát chung
253	BM1M-MDT	902,000		Khoảng cách 1m, NPN thường mở, + gương
254	BM3M-TDT	902,000		Khoảng cách 3m, NPN thường mở, 1 cặp
255	BR100-DDT/P	1,122,000	Hình trụ M18	Khoảng cách 100mm, NPN/PNP, thu phát chung
256	BRP100-DDT	1,122,000		Giống BR100-DDT, thân bằng plastic, điều chỉnh được
257	BR400-DDT/P	1,122,000		Khoảng cách 400mm, NPN/PNP, thu phát chung
258	BR4M-TDTD/P	1,419,000		Khoảng cách 4m, PNP/ NPN thường mở, 1cặp, nguồn 12-24VDC
259	BR20M-TDTD/P	1,309,000		Khoảng cách 20m, PNP/NPN thường mở, 1cặp, nguồn 12-24VDC
260	BR20M-TDTL/P	1,309,000		
261	BUP-30	957,000	Hình dáng chữ U	Khoảng cách 3cm, điều chỉnh được, nguồn 12-24VDC
262	BUP-30S	1,023,000		
263	BUP-50	1,001,000		Khoảng cách 5cm, điều chỉnh được, nguồn 12-24VDC
264	BUP-50S	1,067,000		
265	ADS-AF	1,815,000	W26xH60xL224mm	Sensor điều khiển cửa, khoảng cách 3m

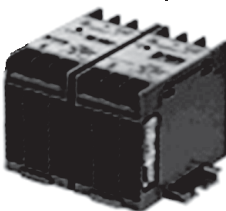
BF3RX SERIES		BF3RX	NPN PNP	12 - 24 VDC	● Ngõ ra NPN Mạch cảm biến quang Kết nối	
BF4RX SERIES						BF4R BF4RP
BA SERIES			NPN PNP	12 - 24 VDC		
BA2M-DDT						
BA2M-DDT-P						
BUP SERIES			NPN PNP	12 - 24 VDC	BUP-30 BUP-30S BUP-30-P BUP-50 BUP-50S BUP-50-P	
BUP-30						
BUP-30S						
BUP-30-P						
BUP-50						
BUP-50S						
BUP-50-P						
BS5 SERIES			NPN	12 - 24 VDC	BS5-K2M BS5-L2M BS5-T2M BS5-V2M BS5-Y2M	
BS5-K2M						
BS5-L2M						
BS5-T2M						
BS5-V2M						
BS5-Y2M						
BW SERIES			NPN	12 - 24 VDC	BW20-08 BW20-12 BW20-16 BW20-20 BW20-24 BW20-28 BW20-32 BW20-36 BW20-40 BW20-44 BW20-48 BW40-04 BW40-06 BW40-08 BW40-10 BW40-12 BW40-14 BW40-16 BW40-18 BW40-20 BW40-22 BW40-24	
BW20-08						
BW20-12						
BW20-16						
BW20-20						
BW20-24						
BW20-28						
BW20-32						
BW20-36						
BW20-40						
BW20-44						
BW20-48						
BW40-04						
BW40-06						
BW40-08						
BW40-10						
BW40-12						
BW40-14						
BW40-16						
BW40-18						
BW40-20						
BW40-22						
BW40-24						
BWP SERIES						
BWP20-08						
BWP20-12						
BWP20-16						
BWP20-20						
BWP20-08P						
BWP20-12P						
BWP20-16P						
BWP20-20P						

STT	MÃ SỐ	GIÁ + VAT (VND)	KÍCH THƯỚC	DIỄN GIẢI
CẢM BIẾN QUANG - PHOTOELECTRIC SENSOR				
266	BW20-08-(P)	5,434,000	L=160mm	Sensor vùng, 8 cặp mắt, khoảng cách phát hiện 140mm
267	BW20-12-(P)	7,458,000	L=240mm	Sensor vùng, 12 cặp mắt, khoảng cách phát hiện 220mm
268	BW20-16-(P)	9,515,000	L=320mm	Sensor vùng, 16 cặp mắt, khoảng cách phát hiện 300mm
269	BW20-20-(P)	11,539,000	L=400mm	Sensor vùng, 20 cặp mắt, khoảng cách phát hiện 380mm
270	BW20-40-(P)	21,736,000	L=800mm	Sensor vùng, 40 cặp mắt, khoảng cách phát hiện 780mm
271	BWP20-08	4,499,000	L=160mm	Sensor vùng, 8 cặp mắt, khoảng cách phát hiện 140mm
272	BWP20-08P	4,499,000		
273	BWP20-12	5,313,000	L=240mm	Sensor vùng, 12 cặp mắt, khoảng cách phát hiện 220mm
274	BWP20-12P	5,313,000		
275	BWP20-16	6,127,000	L=320mm	Sensor vùng, 16 cặp mắt, khoảng cách phát hiện 300mm
276	BWP20-16P	6,127,000		
277	BWP20-20	6,952,000	L=400mm	Sensor vùng, 20 cặp mắt, khoảng cách phát hiện 380mm
278	BWP20-20P	6,952,000		
279	BYD30-DDT-T	770,000	W12xH32xL18mm	Loại nhỏ, khoảng cách 30mm,NPN, 1 cặp, timer trễ
280	BYD100-DDT	814,000		Loại nhỏ, khoảng cách 10cm,NPN, thu phát chung
281	BYD3M-TDT/P	1,166,000		Loại nhỏ, khoảng cách 3m, NPN/PNP, 1 cặp
282	BYS500-TDT	770,000		Loại nhỏ, khoảng cách 50Cm, NPN, 1 cặp
283	BMS2M-MDT	902,000	W16xH55xL29mm	2m, NPN thường mở, dùng với gương
284	BMS2M-MDT-P	902,000		
285	BMS5M-TDT	1,067,000		Khoảng cách 5m, NPN, 1 cặp
286	BMS5M-TDT-P	1,067,000		
287	BPS3M-TDT/P	1,254,000	W12xH8xL28mm	3m, NPN/ PNP, thường mở, 1 cặp
288	BA2M-DDT	1,166,000	W19xH16xL49mm	2m, NPN, thường mở, thu phát chung
289	BS5-K2M	187,000	Hình K	Loại mini, NPN, thường mở, 12-24VDC
290	BS5-T2M	187,000	Hình T	
291	BS5-L2M	187,000	Hình L	
292	CT-01	44,000		Để đi kèm với cảm biến quang BS5
293	CT-02	143,000		
294	BJ15M-TDT/P	1,309,000	W11xH32xL20	Khoảng cách đọc 15m, thường mở, 1 cặp NPN/PNP
295	BJ10M-TDT/P	1,188,000		Khoảng cách đọc 10m, thường mở, 1 cặp NPN/PNP
296	BJ1M-DDT/P	1,023,000		Khoảng cách đọc 1m, thu phát chung NPN/PNP
297	BJ3M-PDT-P	1,122,000		Khoảng cách đọc 3m + gương
298	BJ300-DDT/P	979,000		Khoảng cách đọc 300mm, thu phát chung NPN/PNP
299	MS-2	88,000	W40xH60	Gương nhỏ dùng với photo sensor
300	FTS-320-05	693,000	L=2m	SUS, 2 sợi, khoảng cách đọc 150mm
301	FT-420-10	418,000		2 sợi, khoảng cách 500mm
302	FD-620-10	418,000		1 sợi đôi, khoảng cách 120mm
303	FDS-620-10	539,000		SUS,1 sợi đôi, khoảng cách đọc 120mm
304	FDS-320-05	539,000		SUS,1 sợi đôi, khoảng cách đọc 40mm
305	FDCS-320-05	539,000		1 sợi đôi, khoảng cách đọc 40mm

Loại áp suất		Áp suất GAUGE							
		Loại áp suất chân không		Loại áp suất chuẩn		Loại áp suất hỗn hợp			
Model	Ngõ ra NPN	PSA-V01		PSA-01		PSA-1		PSA-C01	
		PSB-V01		PSB-01		PSB-1		PSB-C01	
		PSB-V01C		PSB-01C		PSB-1C		PSB-C01C	
	Ngõ ra PNP	PSA-V01P		PSA-01P		PSA-1P		PSA-C01P	
		PSB-V01P		PSB-01P		PSB-1P		PSB-C01P	
PSB-V01CP		PSB-01CP		PSB-1CP		PSB-C01CP			
Hình dáng và kích thước		 PSA  PSB 							
Dải áp suất định mức		0.0 ~ - 101.3 kPa		0.0 ~ 100 kPa		0.0 ~ 101.3kPa		0.0 ~ 101.3kPa	
Dải áp suất cài đặt		- 5.0 ~ - 101.3 kPa		- 5.0 ~ 110.0 kPa		- 5.0 ~ 1,000 kPa		- 101.2 ~ 110.0 kPa	
Dải áp suất Max.		2 lần áp suất định mức				1.5 lần áp suất định mức		2 lần áp suất định mức	
Chất áp dụng đo		Không khí, Gas không ăn mòn							
Nguồn Cấp		12 - 24 VDC ±10%							

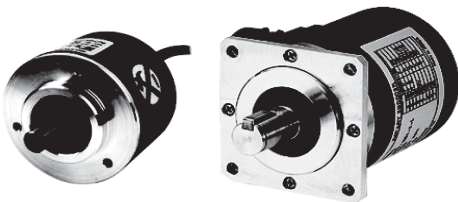
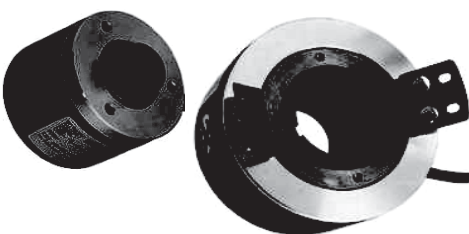
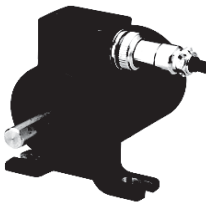
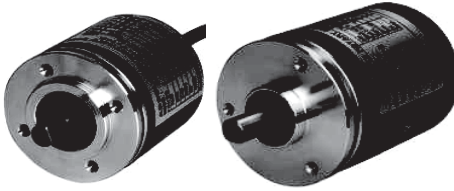
Loại		Bộ điều khiển chức năng cao cấp					Bộ khuếch đại công suất	
Model		PA10 - U	PA10 - V	PA10 - VP	PA10 - W	PA10 - WP	PA - 12	
Hình dáng và kích thước								
Nguồn Cấp		100 - 240 VAC 50/60 Hz						

Loại		BỘ NGUỒN XUNG ỒN ÁP											
Model		SPA-030-05	SPA-050-05	SPA-030-12	SPA-050-12	SPA-030-24	SPA-050-24	SPA-075-05	SPA-100-05	SPA-075-12	SPA-100-12	SPA-075-24	SPA-100-24
Hình dáng và kích thước													
		W97xH40xL120mm						W97xH40xL160mm					
Nguồn Cấp		100 - 240 VAC 50/60 Hz											
Đặc điểm ngõ ra	Điện áp	5 VDC		12 VDC		24 VDC		5 VDC		12 VDC		24 VDC	
	Dòng điện	6A	10A	2.5A	4.2A	1.5A	2.1A	15A	20A	6.3A	8.5A	3.2A	4.2A
	Công suất	30W	50W	30W	50W	30W	50W	75W	100W	75W	100W	75W	100W

Loại		BỘ NGUỒN XUNG ỒN ÁP											
Model		SP - 0305				SP - 0312				SP - 0324			
Hình dáng và kích thước													
Nguồn Cấp		100 - 240 VAC 50/60 Hz											
Đặc điểm ngõ ra	Điện áp	5 VDC				12 VDC				24 VDC			
	Dòng điện	0.6A				0.25A				0.13A			
	Công suất	3 W											

STT	MÃ SỐ	GIÁ + VAT (VND)	KÍCH THƯỚC	DIỄN GIẢI
CẢM BIẾN ÁP SUẤT - PRESSURE SENSOR				
306	PSA-01-RC1/8	2,068,000	W30xH30mm	-0.5~110.0kPa, Out: NPN/PNP, analog1-5VDC
307	PSA-1-RC1/8	2,068,000		-50~1100kPa,Out: NPN/PNP, analog: 1-5VDC
308	PSA-V01-RC1/8	2,068,000		5.0~-101.3kPa,Out:NPN/PNP, analog: 1-5VDC
309	PSA-C01-RC1/8	2,068,000		-101.3~110kPa,Out: NPN/PNP, analog:1-5VDC
310	PSO-01	143,000		Nắp bảo vệ mặt trước của PSA
311	PSO-02	88,000		Giá đỡ sau của PSA
BỘ ĐIỀU KHIỂN SENSOR - SENSOR CONTROLLER				
312	PA12	440,000	W38xH76xL82mm	Input: 1 Sensor, 1 Output: 250VAC 3A
313	PA10-U	1,254,000		Input: 2 Sensor, 1 Output: 250VAC 3A, timer
314	PA10-V/P	1,166,000		Input: 2 Sensor, NPN/PNP 1 Output: 250VAC 3A
315	PA10-W/P	1,166,000		Input: 2 Sensor, NPN/PNP 2 Output: 250VAC 3A
BỘ NGUỒN DC - SWITCHING POWER SENSOR				
316	SP-0305	605,000	W38xH85xL65mm	Out: 5V, 0.6A, 3W, nguồn cấp 100-240VAC
317	SP-0312			Out: 12V, 0.25A, 3W, nguồn cấp 100-240VAC
318	SP-0324			Out: 24V, 0.13A, 3W, nguồn cấp 100-240VAC
319	SPA-030-05	1,188,000	W97xH40xL120mm	Out: 5V, 6A, 30W, nguồn cấp 100-240VAC
320	SPA-030-12			Out: 12V, 2.5A, 30W, nguồn cấp 100-240VAC
321	SPA-030-24			Out: 24V, 1.5A, 30W, nguồn cấp 100-240VAC
322	SPA-050-05	1,419,000	W97xH40xL120mm	Out: 5V, 10A, 50W, nguồn cấp 100-240VAC
323	SPA-050-12			Out: 12V, 4.2A, 50W, nguồn cấp 100-240VAC
324	SPA-050-24			Out: 24V, 2.1A, 30W, nguồn cấp 100-240VAC
325	SPA-075-05	2,068,000	W97xH40xL160mm	Out: 5V, 15A, 75W, nguồn cấp 100-240VAC
326	SPA-075-12			Out: 12V, 6.3A, 75W, nguồn cấp 100-240VAC
327	SPA-075-24			Out: 24V, 3.2A, 75W, nguồn cấp 100-240VAC
328	SPA-100-05	2,233,000	W97xH40xL160mm	Out: 5V, 20A, 100W, nguồn cấp 100-240VAC
329	SPA-100-12			Out: 12V, 8.5A, 100W, nguồn cấp 100-240VAC
330	SPA-100-24			Out: 24V, 4.2A, 100W, nguồn cấp 100-240VAC

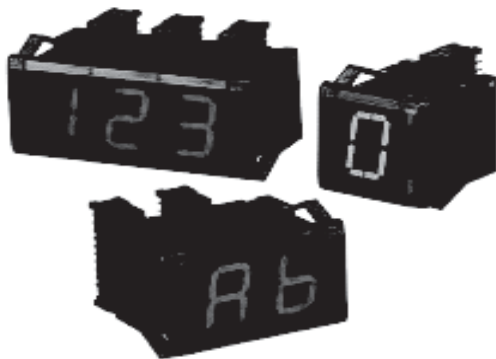
BỘ MÃ HÓA VÒNG QUAY

HÌNH DÁNG	MODEL	Tùy chọn số xung		Tùy chọn	Chú thích	Nguồn cấp	
BỘ MÃ HÓA VÒNG QUAY TƯƠNG ĐỐI							
LOẠI QUAY TAY		ENH-	25P/R 100P/R	1-T-5, 24	T (1) : Totem pole output	5: 5VDC ± 5% 24 : 24VDC ± 5%	
				1-V-5, 24			
				1-L-5, 24			
				2-T-5, 24			
				2-V-5, 24			
				2-L-5, 24			
LOẠI TRỤC Ø 20 , 30, 40, 50, 58, 68	E20S2- E30S4- E40S6- E40S8- E50S8- E56SC10- E58SS6- E68S15-	*1P/R 200P/R *2P/R 240P/R *5P/R 250P/R 10P/R 256P/R 12P/R 300P/R 15P/R 360P/R 20P/R 400P/R 23P/R 500P/R 25P/R 512P/R 30P/R 600P/R 35P/R 800P/R 40P/R 1000P/R 45P/R 1024P/R 50P/R 1200P/R 60P/R 1500P/R 75P/R 1800P/R 100P/R 2000P/R 120P/R 2048P/R 125P/R 2500P/R 150P/R 3000P/R 192P/R 3600P/R 5000P/R	3-T-5, 24 3-N-5, 24 3-V-5, 24 6-L-5	N (2) : NPN open collector output			
	3-T-5, 24						
	3-N-5, 24						
	3-V-5, 24						
	6-L-5						
	LOẠI LỖ Ø 20, 40, 58, 60, 80, 100	E20HB2- E20HB3- E40H6/8/10/12- E40HB6/8/10/12 E58H12- E58HB12- E60H20- E80H30- E100H35-	2-T-5, 24 N- V- 3-T-5, 24 N- V-		V (3) : Voltage output		
	2-T-5, 24						
	N-						
	V-						
	3-T-5, 24						
	LOẠI ENA	ENA-	100P/R 2000P/R 120P/R 2048P/R 125P/R 2500P/R 150P/R 3000P/R 192P/R 3600P/R 5000P/R	N- V-			L : Line driver output
	N-						
	V-						
	3-T-5, 24						
	N- V-						
	LOẠI BÁNH XE ĐO			ENC-1-1	1 : 1mm/1Pulse		
	ENC-1-2	2 : 1cm/1Pulse					
	ENC-1-3	3 : 1m/1Pulse					
	ENC-1-4	4 : 0.01yd/Pulse					
	ENC-1-5	5 : 0.1yd/Pulse					
	ENC-1-6	6 : 1yd/1Pulse					
BỘ MÃ HÓA VÒNG QUAY TUYỆT ĐỐI							
	EP50S8- EP58SC10- EP58SS6- EP58HB8- ENP101- ENP111-	6,8 12,16 24,32 40, 45 64, 90 128, 180 256, 360 512, 720 1024 Division	1:BCD	F: Giá trị ngõ ra tăng theo chiều kim đồng hồ	NPN / PNP (collector hồ)		
			2:BINARY	R: Giá trị ngõ ra tăng theo chiều ngược kim đồng hồ			
			3:GRAY				

STT	MÃ SỐ	GIÁ + VAT (VND)	KÍCH THƯỚC	DIỄN GIẢI
BỘ GIẢI MÃ VÒNG QUAY - ROTARY ENCODER				
331	E40S6-10~300-3-	1,650,000	Ø40mm, cốt 6mm	1, 2,... 100, ... 200, ... 300 xung/ vòng
322	E40S6-360~1800-3-	1,980,000		360,400, ... ,1000, 1024, 1800 xung/ vòng
323	E40S6-2000~3600-3-	2,167,000		2000, 2048, 2500, 3000, 3600 xung/ vòng
324	E40S6-5000-3-	2,607,000		5000 xung/ vòng, nguồn 24V DC
325	E40S6-10~300-6-L-5	1,980,000		1, 2,... 100, ... 200, ... 300 xung/ vòng, nguồn 5V DC
326	E40S6-360~1800-6-L-5	2,167,000		360, 400, ... , 1500, 1800 xung/ vòng, nguồn 5V DC
327	E40S6-2000~3600-6-L-5	2,332,000		2000, 2048, 2500, 3000, 3600 xung/ vòng, nguồn 5V DC
328	E40S6-5000-6-L-5	3,190,000		5000 xung/ vòng, nguồn 5V DC
329	E50S8-10~300-3-	1,815,000	Ø50mm, cốt 8mm	1, 2,... 100, ... 200, ... 300 xung/ vòng
330	E50S8-360~1800-3-	2,211,000		360, 1024, 1800 xung/ vòng
331	E50S8-5000-3-	2,981,000		5000 xung/ vòng, nguồn 24V DC
332	E50S8-6000-3-	3,168,000		6000 xung/ vòng, nguồn 24V DC
333	E50S8-8000-3-	3,333,000		8000 xung/ vòng, nguồn 24V DC
334	E50S8-10~300-6-L-5	2,211,000		1, 2,... 100, ... 200, ... 300 xung/ vòng, nguồn 5V DC
335	E50S8-360~1800-6-L-5	2,563,000		360, 1024, 1800 xung/ vòng, nguồn V DC
336	E50S8-5000-6-L-5	3,377,000		5000 xung/ vòng, nguồn 5V DC
337	E50S8-6000-6-L-5	3,542,000		6000 xung/ vòng, nguồn 5V DC
338	E50S8-8000-6-L-5	3,707,000		8000 xung/ vòng, nguồn 5V DC
339	ENC-	2,101,000	2 bánh xe	Loại bánh xe đo đơn vị (m, cm, mm, yard)/xung
340	E40H8-10~300-3-	1,980,000	Ø40mm, lỗ 8mm	10~ ...300 xung/ vòng, nguồn 24V DC
341	E40H8-360~1800-3-	2,123,000		360,400, ... 600, ... 1000, ... 1800 xung/ vòng, nguồn 24 V DC
342	E40H8-2000~3600-3-	2,211,000		2000,2500....3600 xung/ vòng, nguồn 24V DC
343	E40H8-5000-3-	2,981,000		5000 xung/ vòng, nguồn 24V DC
344	E40H8-10~300-6-L-5	2,211,000		1~ ...300 xung/ vòng, nguồn 5V DC
345	E40H8-360~1800-6-L-5	2,288,000		360,400, ... 600, ... 1000, ... 1800 xung/ vòng, nguồn 5V DC
346	E40H8-2000~3600-6-L-5	2,354,000		2000 ~ 3600 xung/ vòng, nguồn 5V DC
347	E40H8-5000-6-L-5	3,476,000		5000 xung/ vòng, nguồn 5V DC
348	E68S15-1024-6-L-5	3,938,000	Ø68mm, cốt 15mm	1024 xung/ vòng, nguồn 5V DC
349	E80H30-60~512-3-	3,542,000	Ø80mm, lỗ 30mm	60, 75, 100, ..., 360, 400, 500, 512xung/ vòng, nguồn 24V DC
350	E80H30-1024-3-	4,708,000		1024 xung/ vòng, nguồn 24V DC
351	E100H35-512~1024-3-	6,391,000	Ø100mm, lỗ 35mm	1025 xung/ vòng, nguồn 24V DC
352	EP58SC10-1024-2F-P-24	4,642,000	Ø58mm, trục 10mm	Encoder tuyệt đối, 1024 xung/vòng
353	ENP-	4,708,000	Ø60mm, loại trục	Absolute: định vị trí, ngõ ra logic âm/ dương
354	EP50S8-	2,629,000	Ø50mm, cốt 8mm	Loại 8 điểm chia, 12 điểm chia ...
355	EC-1	88,000	Đầu nối mềm 6mm	Khớp nối Encoder
356	EC-2	88,000	Đầu nối mềm 8mm	
357	EC-3	88,000	Đầu nối mềm 10mm	

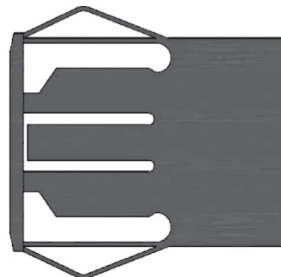
DISPLAY UNIT:

Model: DISA



GIÁ: 506,000 VND

Model: DAR(L)



GIÁ: 22,000 VND

Model: D1AA



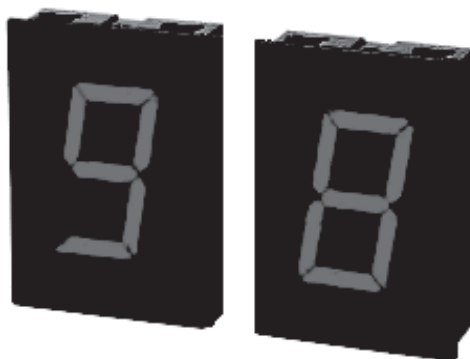
GIÁ: 561,000 VND

Model: DAR(L)



GIÁ: 22,000 VND

Model: D1SC (NEW)

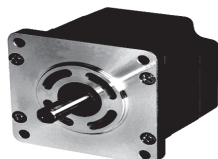


W72 x H96 x L28 mm

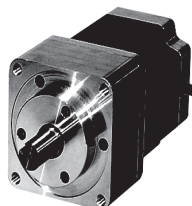
GIÁ: 1,309,000 VND

STT	MÃ SỐ	GIÁ + VAT (VND)	KÍCH THƯỚC	DIỄN GIẢI
MOTOR BƯỚC - STEPPING MOTOR				
358	A41K-M599	7,645,000		Motor bước
359	A4K-M564	2,838,000		
360	A4K-M564-B	5,225,000		
361	A4K-M564W	2,893,000		
362	A8K-M566	2,981,000		
363	A16K-M569	3,938,000		
364	A16K-M569-B	6,314,000		Motor bước, 5phase, 1.4A/phase
365	A200K-M599W-G7.2	11,979,000		Bộ điều khiển motor bước
366	A50K-M566-G10	7,645,000		Bộ lập trình 1 trục giao tiếp qua cổng RS232
367	PMC-2B-ISA	17,974,000		Bộ lập trình 2 trục, gắn trực tiếp vào máy tính
368	PMC-4B-PCI	26,983,000		Bộ lập trình 4 trục, gắn trực tiếp vào máy tính
369	PMC-1HS-232	8,085,000		Bộ lập trình 1 trục giao tiếp qua cổng RS232
370	PMC-1HS-USB	8,558,000		Bộ lập trình 1 trục giao tiếp qua cổng USB
371	PMC-2HS-232	9,438,000		Bộ lập trình 2 trục giao tiếp qua cổng RS232
372	PMC-2TU-232	3,377,000		Bộ lập trình 2 trục giao tiếp qua cổng RS232
LED - DISPLAY UNIT				
373	D1SC-N	1,309,000	72 x 96	Kích thước chữ 31.9 x 56.9
374	D1SA-_N	506,000	20 x 33	Kích thước chữ 11 x 20
375	D1AA	561,000		Display Unit / 12-24VDC
376	DAR(L)	22,000		Má chặn của D1SA/ D1AA
377	CT-10S	66,000		Jack nối của D1SA/ D1AA

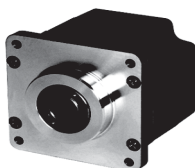
AK series



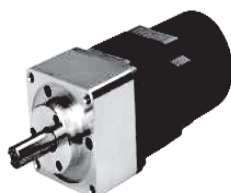
Gear



AHK series



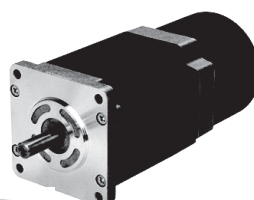
Gear+Brake



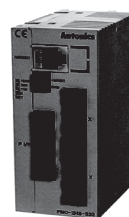
MD5-HD14



Brake



PMC-2HS (RS232)



Actuator+Brake

